

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2021/HS-ST
Ngày: 29-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 202/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2021/QĐXXST-HS ngày 14/12/2021 đối với bị cáo:

Đỗ Anh D, sinh năm 1986 tại tỉnh B. Nơi cư trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Lâm H và bà Bùi Thị N; bị cáo có vợ là Trần Thị L (đã ly hôn) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18/01/2005, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; bị tạm giam từ ngày 10/6/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Cao Minh T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Huỳnh Thái H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1952. Nơi cư trú: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Anh D và ông Cao Minh T quen biết nhau, do D làm nghề tài xế nên thường thuê xe ô tô của ông T để đi chở khách. Ngày 01/12/2020, có người thuê Đỗ Anh D chở đi đến tỉnh Bến Tre, D đến Tiệm cho thuê xe tự lái M, có địa chỉ tại khu phố 7, phường P, thành phố T gặp ông Cao Minh T hỏi thuê xe ô tô tự lái; ông T làm hợp đồng với nội dung cho D thuê chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova G, màu ghi bạc, biển số 61A-061.60, thời hạn thuê từ ngày 01/12/2020 đến ngày 03/12/2020, tổng số tiền thuê là 1.600.000 đồng; khi ký hợp đồng, D đã trả hết tiền thuê xe cho ông T. Sau khi thuê xe ô tô biển số 61A-061.60, D chở khách đi nhiều nơi ở các tỉnh khác nhau. Đến ngày hết hạn thuê xe (ngày 03/12/2020), do đang chở khách nên D gọi điện thoại cho ông T để xin gia hạn, ông T đồng ý; do D và ông T không gặp được nhau để ký hợp đồng thuê xe nên hai bên thống nhất thỏa thuận miệng với giá thuê xe là 800.000 đồng/ngày và sẽ thanh toán tiền thuê xe một lần vào ngày trả xe.

Đến ngày 07/12/2020, D bị nhiều người nợ nên D nảy sinh ý định đem xe ô tô biển số 61A-061.60 của ông T đi cầm để lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định trên, D điều khiển xe ô tô biển số 61A-061.60 đi đến tiệm cầm đồ T, địa chỉ tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre gặp ông Huỳnh Thái H cầm chiếc xe ô tô biển số 61A-061.60 cho ông H được 150.000.000 đồng; tiền cầm xe, D đem đi trả nợ hết. Ngày 14/12/2020, D nảy sinh ý định đem xe ô tô biển số 61A-061.60 của ông T đi bán để lấy tiền trả tiền cầm xe cho ông H; D gọi điện thoại cho ông Nguyễn Thế V (người quen của D) nói bán xe ô tô biển số 61A-061.60 với giá 200.000.000 đồng. Sau khi đến xem xe, ông V đồng ý mua, nhưng chỉ đưa trước cho D số tiền 150.000.000 đồng, ông V hẹn D khi nào làm thủ tục sang tên, đổi chủ xong thì ông V sẽ đưa số tiền 50.000.000 đồng còn lại; D đồng ý và viết giấy tờ mua, bán xe với ông V. Sau khi D nhận số tiền 150.000.000 đồng, D đã trả hết số tiền này cho ông H rồi bỏ trốn, còn ông V đem chiếc xe ô tô biển số 61A-061.60 về nhà để sử dụng.

Ngày 15/01/2021, ông Cao Minh T không thấy Đỗ Anh D đem xe về trả và thanh toán tiền thuê xe, ông T đã nhiều lần tìm gặp cũng như liên lạc với D nhưng do D bỏ trốn, nên ông T không liên lạc được với D; thông qua hệ thống định vị của xe ô tô biển số 61A-061.60, ông T xác định được chiếc xe đang ở khu vực xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; ngày 02/02/2021, ông T đi tìm đến vị trí của chiếc xe ô tô biển số 61A-061.60 thì ông Nguyễn Thế V nói cho ông T biết là D đã bán chiếc xe ô tô biển số 61A-061.60 cho ông V vào ngày 14/12/2020 với giá 200.000.000 đồng và có viết giấy mua, bán xe.

Ngày 03/02/2021, ông Cao Minh T đã làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để tố cáo Đỗ Anh D về hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển số 61A-061.60 của mình. Ngày 22/3/2021, D đến gặp ông V để chuộc lại chiếc xe ô tô trên và tự nguyện giao lại chiếc xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66/KLTS-TTHS ngày 05/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một kết luận: Chiếc xe

ô tô nhãn hiệu Toyota Innova G (đời 2006), số khung: 43G969208672, số máy: 1TR6325424, biển số: 61A-061.60 trị giá 210.000.000 đồng.

Đối với ông Huỳnh Thái H và ông Nguyễn Thế V quá trình điều tra xác định: Khi nhận cầm và mua chiếc xe ô tô biển số 61A-061.60, Đỗ Anh D nói đây là xe ô tô của D mua lại của người khác, nhưng chưa sang tên đổi chủ nên ông H và ông V không biết được việc D đã chiếm đoạt chiếc xe của ông Cao Minh T. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không đặt ra xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông H và ông V. Tuy nhiên, ngày 17/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ban hành Công văn số 595 gửi đến Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị tiếp nhận hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với anh H, về hành vi “Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các giấy tờ đó”.

Ngày 05/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả chiếc xe ô tô hiệu Toyota Innova G, biển số: 61A-061.60 cho ông Cao Minh T, ông T không có yêu cầu D phải bồi thường thiệt hại.

Tại Bản Cáo trạng số 203/CT-VKS-HS ngày 09/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Đỗ Anh D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đỗ Anh D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Anh D từ 05 năm đến 06 năm tù.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Bà Bùi Thị N không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Đỗ Anh D nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Anh D đã khai nhận: Ngày 01/12/2020, D đến Tiệm cho thuê xe tự lái M, tại địa chỉ: khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp ông Cao Minh T ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô biển số 61A-061.60 để làm phương tiện chở khách; tuy nhiên, ngày 07/12/2020, D đem xe đi cầm cho ông Huỳnh Thái H lấy số tiền 150.000.000 đồng; đến ngày 14/12/2020, D bán chiếc xe ô tô biển số 61A-061.60 cho ông Nguyễn Thế V để lấy số tiền 200.000.000 đồng

(ông V mới trả cho D số tiền 150.000.000 đồng), sau đó D bỏ trốn. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra; vật chứng của vụ án và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Đỗ Anh D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo nhận được tài sản của bị hại thông qua hợp đồng thuê xe, sau đó chiếm đoạt rồi bỏ trốn là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải có mức hình phạt tương xứng, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả, tài sản được thu hồi và giao trả cho người bị hại; người bị hại Cao Minh T có đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có cha là người có công với cách mạng và hiện nay bị cáo đang phải nuôi mẹ già và 02 người con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đánh giá tính chất và mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là rất nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân xấu; tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Quá trình điều tra xác định: Ông H và ông V không biết việc bị cáo D thuê xe của ông T, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H và ông V là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục xong, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu nào khác, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả xe cho bị hại nên không đặt ra xử lý.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Anh D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đỗ Anh D 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/6/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đỗ Anh D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường